

Số: 64 /BC-HVTTN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chương trình đào tạo của Học viện

Căn cứ Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025, Học viện đã triển Kế hoạch số 68/KH-HVTTNVN ngày 22/10/2025 về khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chương trình đào tạo của Học viện. Kết quả cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Nhằm thu nhận thông tin khách quan về các yếu tố của chương trình đào tạo: Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, khối lượng chương trình, tỷ lệ lý thuyết và thực hành từ cựu sinh viên sau 3 năm tốt nghiệp.
- Đánh giá chất lượng của đội ngũ giảng viên, phương pháp và thái độ giảng dạy; Đánh giá cách tổ chức, quản lý và phục vụ đào tạo.
- Cung cấp thông tin để Học viện điều chỉnh phương thức, kế hoạch, chương trình đào tạo.
- Phục vụ cho các hoạt động đánh giá cơ sở giáo dục của Học viện và các hoạt động khác có liên quan.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên đại học chính quy.
- Phạm vi khảo sát: Cựu sinh viên khoá 9

III. THỜI GIAN, HÌNH THỨC, CÔNG CỤ LẤY Ý KIẾN

1. Thời gian thực hiện: Từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025
2. Hình thức: Tiến hành khảo sát bằng phiếu và trả lời trực tuyến.
3. Công cụ thực hiện:
 - 3.1. Công cụ khảo sát:

- Khảo sát trực tiếp qua gọi điện thoại theo mẫu phiếu khảo sát.
- Bảng hỏi GoogleForm
- Nội dung lấy ý kiến khảo sát bao gồm:
 - + Các thông tin về cá nhân.
 - + Tình hình việc làm
 - + Đánh giá về chương trình đào tạo của Học viện.
 - + Một số nội dung khác.

3.2. Công cụ phân tích: Sau khi nhập dữ liệu, phần mềm SPSS được sử dụng để thống kê và phân tích ý kiến của sinh viên.

IV. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT

1. Kết quả chung:

- Tổng số phiếu phản hồi của cựu sinh viên khoá 9 là 329 phiếu. Trong đó:
 - Tỷ lệ nam/nữ sinh viên tham gia cho ý kiến:
 - + Số sinh viên nam cho ý kiến: 133/329 phiếu, đạt: 40.4%.
 - + Số sinh viên nữ cho ý kiến: 196/329 phiếu, đạt: 59.6%.
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp từng ngành tham gia cho ý kiến:
 - + Ngành Công tác Thanh thiếu niên: 50/52 phiếu, đạt: 96.2%
 - + Ngành Quan hệ công chúng: 90/94 phiếu, đạt 95.7%
 - + Ngành Xây dựng Đảng và CQNN: 25/27 phiếu, đạt 92.6%
 - + Ngành Quản lý Nhà nước: 52/55 phiếu, đạt 94.6%
 - + Ngành Công tác xã hội: 22/25 phiếu, đạt 88%
 - + Ngành Tâm lý học: 8/8 phiếu, đạt 100%
 - + Ngành Luật: 82/86 phiếu, đạt 95.3%

2. Kết quả cụ thể:

2.1. Tình hình việc làm của cựu sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp nhận được kết quả như sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Đang có việc làm	315/329 (95.7%)
2	Chưa có việc làm	8/329 (2.4%)
3	Tiếp tục học	6/329 (1.8%)

2.2. Tỷ lệ cựu sinh viên có công việc đầu tiên ngay sau tốt nghiệp nhận được kết quả như sau:

TT	Thời gian	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 3 tháng	152/329 (46.2%)
2	Từ 3 tháng đến 6 tháng	102/329 (31%)
3	Từ 6 tháng đến 12 tháng	48/329 (14.6%)
4	Trên 12 tháng	27/329 (8.2%)

2.3. Tỷ lệ cựu sinh viên làm việc theo ngành đào tạo nhận được kết quả như sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Đúng ngành đào tạo	109/329 (33.1%)
2	Trái ngành đào tạo	102/329 (31%)
3	Ngành gần	104/329 (31.6%)

2.4. Kết quả đánh giá về chương trình đào tạo, về kết quả đào tạo, về mức độ ứng dụng được những kỹ năng được đào tạo; kỹ năng, kiến thức, thái độ cần tăng cường cho sinh viên

Theo thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Cơ bản đồng ý; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý. Kết quả như sau:

TT	Nội dung	Mức độ đồng ý					Mean
		1 (Tỷ lệ %)	2 (Tỷ lệ %)	3 (Tỷ lệ %)	4 (Tỷ lệ %)	5 (Tỷ lệ %)	
A. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO							
1	Chương trình đào tạo (CTĐT) cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	2/329 (0.6%)	5/329 (1.5%)	59/329 (17.9%)	95/329 (28.9%)	168/329 (51.1%)	4.28

2	CTĐT giúp người học có khả năng thích nghi khi thay đổi môi trường làm việc	2/329 (0.6%)	2/329 (0.6%)	55/329 (16.7%)	101/329 (30.7%)	169/329 (51.4%)	4.32
3	CTĐT phát triển khả năng nghiên cứu của người học	2/329 (0.6%)	7/329 (2.1%)	55/329 (16.7%)	102/329 (31%)	163/329 (49.5%)	4.27
4	CTĐT rèn luyện tác phong làm việc của người	2/329 (0.6%)	0/329 (0%)	62/329 (18.8%)	94/329 (28.6%)	171/329 (52%)	4.31
5	CTĐT giúp người học có khả năng học lên cao	7/329 (2.1%)	2/329 (0.6%)	54/329 (16.4%)	108/329 (32.8%)	158/329 (48%)	4.24
6	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	3/329 (0.9%)	4/329 (1.2%)	50/329 (15.2%)	109/329 (33.1%)	163/329 (49.5%)	4.29
7	Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật đáp ứng nhu cầu xã hội	3/329 (0.9%)	7/329 (2.1%)	52/329 (15.8%)	101/329 (30.7%)	166/329 (50.5%)	4.28
8	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động	2/329 (0.6%)	4/329 (1.2%)	50/329 (15.2%)	99/329 (30.1%)	174/329 (52.9%)	4.33
9	Học viện có những hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên	3/329 (0.9%)	15/329 (4.6%)	44/329 (13.4%)	99/329 (30.1%)	168/329 (51.1%)	4.28
10	Chương trình đào tạo đáp ứng được tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục của Học viện	2/329 (0.6%)	2/329 (0.6%)	62/329 (18.8%)	95/329 (28.9%)	168/329 (51.1%)	4.29
11	Tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị văn hóa của Học viện đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của Anh/Chị	2/329 (0.6%)	7/329 (2.1%)	58/329 (17.6%)	109/329 (33.1%)	153/329 (46.5%)	4.23
12	Anh/Chị hài lòng với chất lượng đào tạo của Học viện	2/329 (0.6%)	3/329 (0.9%)	61/329 (18.5%)	95/329 (28.9%)	168/329 (51.1%)	4.29
13	Anh/Chị hài lòng về chất lượng phục vụ, hỗ trợ của Học viện	6/329 (1.8%)	7/329 (2.1%)	61/329 (18.5%)	87/329 (26.4%)	168/329 (51.1%)	4.23
14	Anh/Chị hài lòng về hoạt động hỗ trợ việc làm của Học viện	2/329 (0.6%)	8/329 (2.4%)	58/329 (17.6%)	101/329 (30.7%)	160/329 (48.6%)	4.24
B. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO CỦA HỌC VIỆN							
15	Bằng tốt nghiệp của Anh/Chị do Học viện cấp có lợi thế khi tìm việc làm	1/329 (0.3%)	3/329 (0.9%)	72/329 (21.9%)	99/329 (30.1%)	154/329 (46.8%)	4.22
16	Anh/Chị thích ứng với môi trường làm việc đa văn hóa	0/329 (0%)	0/329 (0%)	70/329 (21.3%)	105/329 (31.9%)	154/329 (46.8%)	4.26
17	Anh/Chị ứng dụng được kiến thức vào công việc thực tiễn	1/329 (0.3%)	2/329 (0.6%)	67/329 (20.4%)	110/329 (33.4%)	149/329 (45.3%)	4.23
C. Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ VỀ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG ĐƯỢC NHỮNG KỸ NĂNG ĐƯỢC ĐÀO TẠO							
18	Làm việc nhóm	1/329 (0.3%)	1/329 (0.3%)	72/329 (21.9%)	127/329 (38.6%)	128/329 (38.9%)	4.16
19	Lập kế hoạch	2/329 (0.6%)	2/329 (0.6%)	86/329 (26.1%)	111/329 (33.7%)	128/329 (38.9%)	4.1

20	Giao tiếp	2/329 (0.6%)	0/329 (0%)	64/329 (19.5%)	130/329 (39.5%)	133/329 (40.4%)	4.19
21	Giải quyết vấn đề	3/329 (0.9%)	9/329 (2.7%)	79/329 (24%)	117/329 (35.6%)	121/329 (36.8%)	4.05
22	Tư duy, sáng tạo	2/329 (0.6%)	9/329 (2.7%)	77/329 (23.4%)	115/329 (35%)	126/329 (38.3%)	4.08
23	Viết Curriculum Vitae (CV) xin việc	3/329 (0.9%)	19/329 (5.8%)	98/329 (29.8%)	92/329 (28%)	117/329 (35.6%)	3.91
24	Anh/Chị sử dụng thành thạo ngoại ngữ	3/329 (0.9%)	28/329 (8.5%)	90/329 (27.4%)	91/329 (27.7%)	117/329 (35.6%)	3.88
25	Anh/Chị sử dụng thành thạo tin học	2/329 (0.6%)	9/329 (2.7%)	82/329 (24.9%)	126/329 (38.3%)	110/329 (33.4%)	4.01

D. Ý KIẾN GIÚP CẢI TIẾN KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, HỌC VIỆN CẦN TĂNG CƯỜNG KỸ NĂNG, KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ NÀO CHO SINH VIÊN

26	Kỹ năng giao tiếp	3/329 (0.9%)	0/329 (0%)	45/329 (13.7%)	113/329 (34.3%)	168/329 (51.1%)	4.35
27	Kỹ năng làm việc nhóm	0/329 (0%)	6/329 (1.8%)	45/329 (13.7%)	116/329 (35.3%)	162/329 (49.2%)	4.32
28	Kỹ năng tư duy sáng tạo, phản biện	3/329 (0.9%)	5/329 (1.5%)	54/329 (16.4%)	110/329 (33.4%)	157/329 (47.7%)	4.26
29	Kỹ năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc	8/329 (2.4%)	0/329 (0%)	42/329 (12.8%)	124/329 (37.7%)	155/329 (47.1%)	4.27
30	Kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa	3/329 (0.9%)	1/329 (0.3%)	50/329 (15.2%)	123/329 (37.4%)	152/329 (46.2%)	4.28
31	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	4/329 (1.2%)	11/329 (3.3%)	43/329 (13.1%)	119/329 (36.2%)	152/329 (46.2%)	4.23
32	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	3/329 (0.9%)	5/329 (1.5%)	37/329 (11.2%)	112/329 (34%)	172/329 (52.3%)	4.35
33	Kiến thức chuyên môn	3/329 (0.9%)	10/329 (3%)	37/329 (11.2%)	120/329 (36.5%)	159/329 (48.3%)	4.28
34	Kiến thức liên ngành	1/329 (0.3%)	2/329 (0.6%)	47/329 (14.3%)	126/329 (38.3%)	153/329 (46.5%)	4.3
35	Kiến thức cơ bản về văn hóa - xã hội, khoa học - kỹ thuật	1/329 (0.3%)	11/329 (3.3%)	42/329 (12.8%)	101/329 (30.7%)	174/329 (52.9%)	4.33
36	Ý thức đạo đức nghề nghiệp	3/329 (0.9%)	0/329 (0%)	43/329 (13.1%)	118/329 (35.9%)	165/329 (50.2%)	4.34
37	Tinh thần hợp tác	6/329 (1.8%)	1/329 (0.3%)	43/329 (13.1%)	108/329 (32.8%)	171/329 (52%)	4.33
38	Tôn trọng sự khác biệt	3/329 (0.9%)	0/329 (0%)	42/329 (12.8%)	112/329 (34%)	172/329 (52.3%)	4.37
39	Ý thức an toàn lao động	3/329 (0.9%)	5/329 (1.5%)	37/329 (11.2%)	109/329 (33.1%)	175/329 (53.2%)	4.36

2.2. Kết quả khảo sát một số nội dung khác:

2.2.1 Học viện cần tăng cường các hoạt động nào để giúp sinh viên tốt nghiệp ra trường tìm kiếm được việc làm?

- Theo tôi, để giúp sinh viên tốt nghiệp có thể tìm được việc làm nhanh chóng và phù hợp, Học viện cần tăng cường các hoạt động gắn kết giữa đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. Trước hết, nhà trường nên tổ chức thường xuyên các buổi định hướng nghề nghiệp, hội chợ việc làm và chương trình gặp gỡ doanh nghiệp để sinh viên hiểu rõ hơn về cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực của mình. Tiếp theo, cần mở rộng hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp để cung cấp cơ hội thực tập chất lượng, giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tế trước khi ra trường. Học viện cũng nên đẩy mạnh các khóa học kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, và quản lý thời gian. Ngoài ra, việc hỗ trợ sinh viên trong việc viết CV, thư xin việc, và phỏng vấn cũng rất quan trọng. Khi những hoạt động này được triển khai hiệu quả, sinh viên sẽ có đủ kiến thức, kỹ năng và sự tự tin để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

- Nếu có thể liên hệ một số tổ chức nhằm mục đích tư vấn nghề nghiệp, thực tập tại cơ sở Trung tâm thành phố để ít nhiều hỗ trợ sinh viên trong việc có cơ hội làm việc tạo cơ sở đó khi ra trường. Đa số sinh viên ngành công tác xã hội hiện nay đang làm công việc trái ngành hoặc ngành gần đơn cử như giáo dục đặc biệt, dù rất mong muốn được làm việc đúng ngành nhưng tìm việc đúng ngành vẫn còn rất nhiều khó khăn. Vậy nên cần đẩy mạnh hoạt động tư vấn nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp hơn nữa.

- Thay vì chỉ học lý thuyết, Học viện nên tham gia thực tập tại doanh nghiệp hoặc thực hiện các dự án cá nhân, nhóm để tích lũy kinh nghiệm thực tế. Điều này giúp sinh viên hiểu rõ hơn về cách vận dụng kiến thức vào công việc. Kết nối với chuyên gia trong ngành: Học hỏi từ những người có kinh nghiệm giúp sinh viên tiếp cận với tư duy chuyên nghiệp, cập nhật các xu hướng mới và mở rộng cơ hội tìm việc sau khi tốt nghiệp.

- Chú trọng cho phát triển năng lực cá nhân, năng lực khai thác các ứng dụng công nghệ trong đời sống như sử dụng trí tuệ nhân tạo AI; Tạo môi trường thực tập từ sớm cho sinh viên theo chuyên ngành qua việc liên kết với các công ty, doanh nghiệp có chuyên môn, thâm niên trong lĩnh vực về công tác xã hội hiện nay như các viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc sức khỏe.

- Cập nhật chương trình học theo thực tế thị trường lao động Tăng học phần thực hành – dự án – case study.

2.2.2. Điều gì anh/chị không hài lòng nhất trong thời gian học tại trường và vui lòng đề xuất giải pháp cải tiến

- Ngành Công tác xã hội là một ngành rất rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, trẻ em, người khuyết tật, hay cộng đồng. Chính vì vậy, Học viện nên giúp sinh viên sớm được định hướng cụ thể hơn về đối tượng và lĩnh vực mà mình phù hợp, thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm thực tế hoặc thực tập chuyên sâu. Tôi đề xuất Học viện tăng cường liên kết với các cơ sở thực hành Công tác xã hội như bệnh viện, trung tâm bảo trợ xã hội, trường học,... để sinh viên có cơ hội quan sát, trải nghiệm và xác định rõ định hướng nghề nghiệp của bản thân ngay từ sớm. Điều này sẽ giúp sinh viên phát triển năng lực chuyên môn thực tế và tự tin hơn khi bước vào môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp..

- Chương trình đào tạo ngành Luật có quá nhiều môn đại cương hoặc không thuộc chuyên ngành; Chương trình đào tạo còn chưa chuyên sâu, mới chỉ dừng ở mức cơ bản (ngành Luật); Phòng đào tạo chưa sát sao trong việc đánh giá danh sách học bổng

Đề xuất:

1. Loại bỏ một số môn không liên quan đến chuyên ngành Luật, thêm các học phần Luật phổ biến chưa có như: Luật đầu tư,....

2. Hiện tại các học phần kỹ năng tư vấn đang rất ít nên cần thêm học phần tư vấn.

3. Nên cho các bạn diễn án trong các học phần tố tụng và kỹ năng.

4. Không nên gộp dân sự và hình sự. Nên tách riêng dân sự 1, dân sự 2; hình sự 1, hình sự 2 như trước. Tách học phần Luật thương mại thành thương mại 1, thương mại 2 tránh tình trạng học chưa hiểu đã hết môn.

- Các vấn đề liên quan đến quyền lợi của sinh viên chưa được hỗ trợ triệt để, Sinh viên mới vào trường không biết có những quyền lợi gì và khi có thắc mắc thì không biết hỏi ai.

- Sự hỗ trợ của nhà trường, giảng viên chưa thực sự nhiệt tình cảm giác có chút hời hợt.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chương trình đào tạo của Học viện./.

Nơi nhận:

- Hội đồng, Ban GD Học viện (để b/c);
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu VP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Tuấn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng số SV tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	7320108	Quan hệ công chúng	94	69	90	65	38	18	29	3	2	98	94					
2	7310202	XD Đảng và CQ nhà nước	27	9	25	9	11	10	3	0	1	96	89					
3	7310205	Quản lý nhà nước	55	30	52	29	2	28	21	0	1	98	93					
4	7380101	Luật	86	43	82	41	25	37	18	2	2	100	95					
5	7760101	Công tác xã hội	25	23	22	20	4	6	11	1	1	100	88					
6	7760102	Công tác thanh thiếu niên	52	26	50	25	25	19	3	3	1	100	96					
7	7310401	Tâm lý học	8	7	8	7	4	2	1	1	0	100	100					

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Tuấn